

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu chung về dự án

- Tên dự án: Công Pháp luật quốc gia
- Chủ đầu tư: Cục Công nghệ thông tin Bộ Tư pháp
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước
- Mục tiêu đầu tư:

+ Xây dựng Công Pháp luật quốc gia thành một nền tảng số quốc gia, là kênh thông tin pháp luật tập trung, tin cậy, thống nhất để người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu, tìm hiểu một cách thuận tiện, chính xác và đầy đủ. Hệ thống sẽ cung cấp toàn diện các thông tin liên quan về xây dựng và thực hiện pháp luật, bảo đảm dữ liệu pháp luật công khai, minh bạch, thân thiện, dễ tiếp cận cho mọi đối tượng, đáp ứng yêu cầu đối với nền tảng số quốc gia.

+ Thiết lập một kênh tương tác đa chiều hiệu quả để lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch, dân chủ và hiệu quả phản biện xã hội trong quá trình xây dựng pháp luật. Đồng thời, thực hiện quy trình điện tử tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị về chính sách pháp luật của người dân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

+ Thực hiện xây dựng các chức năng từ các trang thông tin hiện có vào Công Pháp luật quốc gia, bao gồm: Trang thông tin Trợ giúp pháp lý Việt Nam; Trang thông tin Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp và Cổng Phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia.

+ Tích hợp khai thác và trao đổi dữ liệu với các cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm nghiệp vụ, bao gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; Hệ thống thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật; Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý; Phần mềm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp; Sẵn sàng tích hợp AI nghiên cứu pháp luật chuyên sâu tư vấn pháp luật.

- Địa điểm đầu tư:

+ Bộ Tư pháp: 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ Cài đặt, triển khai hệ thống: Trên hạ tầng trung tâm dữ liệu Cloud dùng chung của Bộ Tư pháp thuê của nhà cung cấp dịch vụ.

- Phạm vi, quy mô đầu tư:

(1) Cổng Pháp luật quốc gia

a) Xây dựng Trang thông tin Cổng Pháp luật quốc gia, bao gồm các chức năng sau:

Trang chủ: bao gồm danh sách các chức năng chính của Cổng, chức năng tìm kiếm thông tin, banner sự kiện nổi bật, tin tức nổi bật, thông tin liên hệ, đăng nhập, lựa chọn ngôn ngữ, liên kết các cổng thông tin liên quan, liên kết các kênh mạng xã hội của cơ quan chủ quản, hiển thị số lượng người truy cập, thời gian...

Giới thiệu Cổng: Quản lý các thông tin giới thiệu tổng quan của Cổng, Thu ngỏ, chức năng nhiệm vụ, lịch sử phát triển Cổng.

Quản lý chuyên mục nổi bật: Quản lý các chuyên mục pháp lý nổi bật mà xã hội quan tâm, cho từng thời điểm, ví dụ như: Phân quyền, phân cấp; Nghị quyết 66; Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; Hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi,...

Văn bản quy phạm pháp luật: Tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật để cung cấp chức năng cho phép người dân, cán bộ có thể khai thác dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, được phân loại theo Văn bản mới hoặc toàn bộ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. Người dùng có thể tìm kiếm, sắp xếp theo nhiều tiêu chí khác nhau, xem, tải về nội dung văn bản. Với mỗi văn bản có thể xem được các nội dung tóm tắt, nội dung đầy đủ, văn bản gốc, thông tin hiệu lực, văn bản liên quan, lược đồ, văn bản hợp nhất, theo dõi được ghi chú thay đổi của nội dung văn bản.

Tìm kiếm thông tin, dữ liệu trên Cổng: Hỗ trợ tìm kiếm toàn văn tin tức của Cổng, Văn bản pháp luật.

Lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Công bố các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học và người dân, theo dõi các phiên bản cập nhật và công bố tiếp thu xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Phản ánh chính sách: Liên kết với Hệ thống phản ánh kiến nghị văn bản quy phạm pháp luật để tiếp nhận phản ánh kiến nghị và phản hồi kết quả xử lý phản ánh kiến nghị.

Hỗ trợ cá nhân hóa theo các đối tượng khác nhau.

Quản lý, biên tập và xuất bản nội dung trên Cổng, hỗ trợ đa dạng hình thức thông tin đa phương tiện như bài viết, hình ảnh, audio, video và bản tin phát sóng (broadcast). Hỗ trợ tùy chỉnh giao diện cho các trang thành phần.

b) Xây dựng các chuyên mục từ các trang thông tin hiện có vào Cổng Pháp luật quốc gia, bao gồm các chức năng sau:

Xây dựng các chuyên mục về phổ biến giáo dục pháp luật, dữ liệu được tích hợp với Hệ thống thông tin Phổ biến giáo dục pháp luật để khai thác các dữ liệu, gồm: Báo cáo viên, tuyên truyền viên, tổ hoà giải, hoà giải viên, vụ việc hoà giải điển hình, thống kê hoà giải, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, ...

Xây dựng các chuyên mục về trợ giúp pháp lý, dữ liệu tích hợp với Hệ thống thông tin Trợ giúp pháp lý để khai thác các dữ liệu, gồm: Quy trình đăng ký yêu cầu TGPL, tổ chức tham gia TGPL, trung tâm, chi nhánh, người thực hiện TGPL; tra cứu hồ sơ TGPL; thống kê vụ việc TGPL, thống kê đánh giá TGPL.

Xây dựng các chuyên mục về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, dữ liệu tích hợp với Phần mềm Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp để khai thác các dữ liệu, gồm: thủ tục pháp lý, thông tin xử lý vụ việc, vướng mắc, thông tin tiếp nhận tư vấn, mạng lưới tư vấn viên pháp luật, chương trình, kế hoạch, thống kê vụ việc, thống kê đánh giá hiệu quả hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.

c) Phân hệ quản lý kết nối các nền tảng số, bao gồm các chức năng sau:

Kết nối xác thực với Hệ thống VneID: Cung cấp chức năng kết nối xác thực với hệ thống VneID để xác thực người dùng, cấp quyền truy cập vào Cổng Pháp luật quốc gia.

Sẵn sàng tích hợp dịch vụ AI (Pháp luật, nghiên cứu chuyên sâu, vận hành và nâng cao trải nghiệm,...)

Phân hệ có khả năng quản lý và mở rộng các kết nối với các nền tảng số, cơ sở dữ liệu khác trong tương lai.

d) Xây dựng phiên bản tiếng Anh

Xây dựng trang thông tin phiên bản tiếng Anh nhằm phục vụ đối tượng người dùng nước ngoài, nhà đầu tư quốc tế.

e) Ứng dụng di động Cổng Pháp luật quốc gia

Ứng dụng mobile: Cung cấp giao diện ứng dụng trên nền tảng mobile để tăng tính tương tác mọi lúc, mọi nơi của người dân với Cổng Pháp luật quốc gia. Được triển khai trên hai nền tảng iOS và Android.

Các thông tin cung cấp qua ứng dụng di động: thông tin giới thiệu, chuyên mục nổi bật, phản ánh chính sách, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp;...

g) Phân hệ Báo cáo thống kê

Báo cáo thống kê, đo lường hiệu quả: Cung cấp các chức năng tổng hợp báo cáo, đo lường và đánh giá hiệu quả qua các chỉ số, biểu đồ.

Các loại thống kê bao gồm: số lượng văn bản, lịch sử tìm kiếm, lượt chia sẻ, thống kê số lượng góp ý văn bản dự thảo, số lượt truy cập cổng, số người dùng, số người dùng truy cập theo nhiều tiêu chí như: theo lĩnh vực, thiết bị, kênh thông tin, ...

Các báo cáo thống kê có thể được trích xuất ra các loại file như word, excel, pdf theo mẫu hoặc tùy chọn, phục vụ công tác báo cáo định kỳ hoặc chỉ đạo điều hành.

h) Quản trị hệ thống

Cung cấp các chức năng quản trị hệ thống, các dịch vụ dùng chung.

Quản lý các kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

Quản lý thông tin tài khoản, quản lý menu chức năng của Cổng, phân quyền, quản lý lịch sử truy cập, quản lý sao lưu dữ liệu,

Quản lý danh mục, kết nối, đồng bộ với danh mục dùng chung của BTP

Quản lý vòng đời các giao diện lập trình ứng dụng chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống khác.

(2) Phần mềm Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp

Cung cấp các chức năng quản lý các nghiệp vụ về lĩnh vực hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp cho Cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ nghiệp vụ:

Tư vấn pháp luật với chuyên gia;

Tư vấn pháp luật chuyên sâu với Luật sư;

Khảo sát, đánh giá;

Quản lý hồ sơ vụ việc, hợp đồng;

Quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ;

Quản lý chuyên gia, Luật sư, Tư vấn viên pháp luật;

Thủ tục pháp lý;

Chương trình, kế hoạch;

Báo cáo thống kê vụ việc, thống kê đánh giá hiệu quả.

Cung cấp, trao đổi dữ liệu với Cổng Pháp luật quốc gia.

(3) Tạo lập, xây dựng nội dung số đa phương tiện

Biên tập và xây dựng khoảng 20 nội dung audio, video ngắn về các chủ đề pháp luật.

Mỗi file có thời lượng trong khoảng thời gian 5 phút.

STT	Chủ đề video	Mô tả nội dung
1.	Giới thiệu Công Pháp luật quốc gia	Mục tiêu, chức năng, cách truy cập và sử dụng
2.	Cách tra cứu văn bản pháp luật	Hướng dẫn tìm kiếm theo lĩnh vực, thời gian, cơ quan ban hành
3.	Chính sách mới nổi bật năm 2025	Tóm tắt 3-5 chính sách ảnh hưởng đến người dân/doanh nghiệp
4.	Quy trình gửi phản ánh - kiến nghị	Các bước gửi và theo dõi kết quả xử lý
5.	Hướng dẫn góp ý dự thảo luật	Cách tham gia góp ý trực tuyến
6.	Quyền và nghĩa vụ công dân	Giải thích ngắn gọn các quyền cơ bản
7.	Luật Giao thông đường bộ	Những lỗi phổ biến và mức phạt mới nhất
8.	Luật Hôn nhân và Gia đình	Quy định về kết hôn, ly hôn, nuôi con
9.	Luật Đất đai	Thủ tục cấp sổ đỏ, chuyển nhượng, thừa kế
10.	Luật Lao động	Hợp đồng, nghỉ phép, bảo hiểm xã hội
11.	Luật Doanh nghiệp	Thành lập công ty, đăng ký kinh doanh, thuế
12.	Luật dân sự cơ bản	Phân biệt tội phạm và tranh chấp dân sự
13.	Luật Bảo vệ môi trường	Quy định xử lý rác thải, bảo vệ thiên nhiên
14.	Luật An ninh mạng	Những hành vi bị cấm và mức xử phạt
15.	Luật Phòng chống tham nhũng	Cơ chế tố cáo và xử lý vi phạm
16.	Luật Trẻ em	Quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục
17.	Luật Người khuyết tật	Chính sách hỗ trợ và hòa nhập cộng đồng
18.	Luật Sở hữu trí tuệ	Bảo vệ bản quyền, nhãn hiệu, sáng chế
19.	Luật Công nghiệp Công nghệ số	Trí tuệ nhân tạo và tài sản số.
20.	Ngày Pháp luật Việt Nam (9/11)	Ý nghĩa, hoạt động hưởng ứng, thông điệp truyền thông

(4) Đào tạo, chuyển giao và hỗ trợ vận hành

Biên tập tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu đào tạo.

+ Tổ chức đào tạo 05 lớp, thời gian 5 ngày/lớp:

STT	Lớp đào tạo	Số lượng	Ghi chú
1	Người dùng quản trị hệ thống	20	Quản trị vận hành hệ thống, cấu hình tích hợp hệ thống Đối tượng: + Cán bộ tham gia vận hành Cổng: 6 người + Cán bộ quản trị tích hợp các ứng dụng tích hợp với Cổng (CSDL VBQPPL, hệ thống PAKN, Hệ thống TGPL, hệ thống Phổ biến và Hệ thống hỗ trợ DN): 14 người
2	Người dùng sử dụng hệ thống-Biên tập nội dung	40	Quản trị biên tập nội dung theo chuyên mục Đối tượng: + Cục CNTT: chủ trì tối thiểu 5 cán bộ + Cán bộ phụ trách biên tập các chuyên mục thuộc các vụ cục thuộc BTP: mỗi đơn vị 2 cán bộ + Cục Phổ biến giáo dục và trợ giúp pháp lý: phụ trách 3 chuyên trang và các nội dung phổ biến tối thiểu 5 cán bộ + Lãnh đạo các đơn vị và cán bộ tham gia
3	Người dùng sử dụng hệ thống-Người sử dụng các chức năng của cổng	60	Sử dụng chức năng dự thảo VBQPPL và các tính năng khác Đối tượng: cán bộ pháp chế bộ ngành (2 người), địa phương (tối thiểu 1 người)
4	Người quản trị phần mềm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp	20	Cán bộ quản trị phần mềm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp Đối tượng: cán bộ quản trị, cán bộ nghiệp vụ tham gia biên tập nội dung nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý

STT	Lớp đào tạo	Số lượng	Ghi chú
			doanh nghiệp
5	Người sử dụng phần mềm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp	40	Cán bộ sử dụng phần mềm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp Đối tượng: cán bộ tư vấn pháp luật BTP và địa phương

+ Hình thức đào tạo: Trực tuyến.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2026.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu TV04: Tư vấn kiểm thử các phần mềm;

- Tên Chủ đầu tư: Cục Công nghệ thông tin Bộ Tư pháp

- Nội dung công việc chính của gói thầu: Thực hiện kiểm thử phần mềm nội bộ thuộc phạm vi đầu tư của dự án “Cổng Pháp luật quốc gia” đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 06 tháng;

- Địa điểm thực hiện: Thành phố Hà Nội;

- Tùy chọn mua thêm: Không.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện kiểm thử các phần mềm nội bộ thuộc phạm vi đầu tư của dự án “Cổng Pháp luật quốc gia” đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo các phần mềm sau khi được kiểm thử, chỉnh sửa hoàn thiện đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thiết kế và phù hợp với các quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày - người cần thiết (nếu có).

(i) Phạm vi công việc: Thực hiện kiểm thử các phần mềm nội bộ thuộc phạm vi đầu tư của dự án “Cổng Pháp luật quốc gia” (nhà thầu thực hiện kiểm thử các

phần mềm nội bộ thuộc phạm vi đầu tư của dự án “Cổng Pháp luật quốc gia” theo đúng thiết kế chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

1.2. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

1.3. Cơ quan thực hiện dự án: Cục Công nghệ thông tin Bộ Tư pháp

1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện gói thầu: 06 tháng

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

(1) Kiểm thử chấp nhận bởi người dùng (UAT): Là loại kiểm thử chức năng nhằm xác định toàn bộ các chức năng của phần mềm được kiểm thử có đáp ứng các yêu cầu chức năng hay không, bao gồm: sự đầy đủ, tính hoàn thiện, tính chính xác và tính tương thích theo tài liệu đặc tả yêu cầu người sử dụng; đặc tả chức năng, phi chức năng của phần mềm đã được phê duyệt.

Trong quá trình xây dựng kịch bản, kế hoạch kiểm thử, đơn vị kiểm thử có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến để chủ đầu tư có thể xem xét quyết định việc kiểm thử thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng (UI UX) nếu cần thiết.

(2) Kiểm thử chấp nhận hoạt động (OAT): Là loại kiểm thử phi chức năng để kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo sự sẵn sàng hoạt động của phần mềm. Kiểm thử chấp nhận hoạt động bao gồm các loại:

+ Kiểm thử hiệu năng: nhằm xác định phần mềm được kiểm thử có hoạt động đáp ứng yêu cầu về hiệu năng theo thiết kế trong môi trường kiểm thử hay không. Kỹ thuật kiểm thử hiệu năng bao gồm: kiểm thử cơ sở (baseline), kiểm thử chuẩn (benchmark), kiểm thử tải (load), kiểm thử áp lực (stress), kiểm thử sức chịu đựng (endurance), kiểm thử khối lượng (volume),...

+ Kiểm thử an toàn, bảo mật: nhằm đánh giá khả năng tự bảo vệ của phần mềm cùng với các dữ liệu trước các đối tượng không được phép. Các đối tượng không được phép là: con người hoặc các hệ thống bên ngoài không được phép truy nhập hoặc không đủ thẩm quyền tiếp cận để sử dụng, đọc, chỉnh sửa hoặc xóa các dữ liệu đó. Các yêu cầu bảo mật được thể hiện tại tài liệu đặc tả yêu cầu người sử dụng; đặc tả chức năng, phi chức năng của phần mềm đã được phê duyệt.

Nhà thầu kiểm thử thực hiện kiểm thử, đánh giá tính an toàn, bảo mật của phần mềm nội bộ gồm:

✓ Xác định các tiêu chí, kiểm tra đánh giá theo các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

✓ Kiểm tra đánh giá theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11930:2017: Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

✓ Sử dụng các công cụ kiểm thử tự động rà quét toàn bộ hoặc một số vùng của phần mềm được kiểm thử để tìm ra các dấu hiệu cụ thể, có thể là các lỗ hổng về chức năng, hiệu năng dễ xâm nhập. Đánh giá khả năng xảy ra các lỗi về an toàn thông tin phổ biến trong điều kiện vận hành, khai thác thực tế.

Phần mềm kiểm thử đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định trong Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 và yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ quy định trong quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/04/2022.

Công tác kiểm thử bảo mật sẽ được các bên thỏa thuận và thực hiện kiểm thử dựa trên các yêu cầu về bảo mật thông tin dữ liệu hệ thống, thông tin người dùng của ứng dụng.

+ Kiểm tra về tài liệu vận hành hệ thống: là quá trình rà soát, kiểm tra các tài liệu về tính đầy đủ và chính xác giữa tài liệu vận hành hệ thống và các tài liệu yêu cầu kỹ thuật cũng như thực tế hoạt động của hệ thống, đồng thời kiểm tra sự đúng đắn của tài liệu vận hành hệ thống.

+ Kiểm thử một số yếu tố phi chức năng khác như: khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác, khả năng hoạt động trên nhiều nền tảng khác nhau, ... (nếu cần thiết).

(Mô tả các phần mềm nội bộ thuộc phạm vi kiểm thử của gói thầu kèm theo)

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, nhà thầu tư vấn có các yêu cầu đề xuất cần thiết với chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc.

- Tiến độ công tác báo cáo phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Mỗi báo cáo yêu cầu tối thiểu 03 bản, trong trường hợp cần thiết phải đáp ứng các yêu cầu bổ sung số lượng của Chủ đầu tư.

- Thời gian nộp báo cáo chi tiết như sau:

STT	Sản phẩm	Tiến độ
1	Kế hoạch và kịch bản kiểm thử	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày có thông báo của chủ đầu tư đề nghị nhà thầu bắt đầu thực hiện kiểm thử.

STT	Sản phẩm	Tiến độ
2	Báo cáo kết quả kiểm thử	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhà thầu tuyên bố kết thúc kiểm thử

- Các tài liệu được trình bày và in ấn theo khổ A4, A3 (nếu cần thiết) kèm bản mềm được gửi tới Chủ đầu tư phục vụ công tác lưu trữ.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên suốt quá trình làm việc.

- Tiến độ công tác báo cáo phải phù hợp với tiến độ của gói thầu.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo về số lượng, sức khỏe, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với tính chất công việc, thời gian thực hiện gói thầu. Thông tin về nhân sự phải rõ ràng, chuẩn xác, thuận lợi cho việc xác minh của Chủ đầu tư (nếu cần thiết).

Kinh nghiệm và nhân sự của Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu tại Chương III của E-HSMT.

Trong trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án và gói thầu khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.

- Cử cán bộ phối hợp với nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện dịch vụ

- Cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ tư vấn, kể cả tài liệu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.